

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**  
**HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG (LẦN 2)**

Số: 2025-58/BCĐG-L2

<b><u>Tên gói thầu:</u></b>	<b>“Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”</b>
<b><u>Dự án điều chỉnh:</u></b>	<b>Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1</b>
<b><u>Chủ đầu tư:</u></b>	<b>Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist.</b>

# **MẪU SỐ 14A**

**BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ DỰ THẦU QUA MẠNG  
CHO GÓI THẦU DỊCH VỤ PHI TƯ VẤN,  
MUA SẴM HÀNG HÓA, XÂY LẮP, HỒN HỢP,  
MÁY ĐẶT MÁY MƯỠN  
CHÀO GIÁ TRỰC TUYẾN QUY TRÌNH  
THÔNG THƯỜNG  
(theo quy trình số 01)  
(phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ)**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC  
ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT (LẦN 2)**

*Tên gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”*

*Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1*

*Chủ đầu tư: Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist*

## **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ E-HSDT (LẦN 2)**

(Theo quy trình số 01)

Tên gói thầu **“Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”**

Thuộc Dự án điều chỉnh: **Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1**

Kính gửi: Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist

### **I. THÔNG TIN CƠ BẢN**

#### **1. Giới thiệu chung về Dự án điều chỉnh, gói thầu**

- Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST.
- Tên Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.
- Tên gói thầu: Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.
- Số KHLCNT: PL2500229587 thời điểm đăng tải ngày 27/09/2025 09:27.
- Số E-TBMT: IB2500457565 thời điểm đăng tải ngày 21/10/2025 09:28.
- Giá gói thầu: **543.547.746 VND** (Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng chẵn./.).
- Nguồn vốn: Nguồn vốn tự có và vốn vay ngân hàng.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 38 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn – Một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

- Tùy chọn mua thêm (nếu có): Không có.
- Các văn bản pháp lý liên quan:
  - + Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-SCTV ngày 13 tháng 08 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1;
  - + Căn cứ Quyết định số 904/eQĐ-SCTV ngày 20 tháng 09 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1;
  - + Căn cứ Quyết định số 959/eQĐ-SCTV ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc phê duyệt dự toán kinh phí đầu tư gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;
  - + Căn cứ Quyết định số 960/eQĐ-SCTV ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc giao nhiệm vụ triển khai thực hiện gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;
  - + Căn cứ Quyết định số 1004/eQĐ-SCTV ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;
  - + Các tài liệu có liên quan khác của gói thầu trong quá trình lựa chọn nhà thầu.

## 2. Tổ chuyên gia

### a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist thành lập theo Quyết định số 1298/QĐ-SCTV ngày 19/12/2025 để thực hiện đánh giá E-HSDT cho các gói thầu dưới 1 tỷ theo hình thức chào hàng cạnh tranh, qua mạng.

### b) Thành phần tổ chuyên gia:

Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.

**Bảng số 01**

<b>Stt</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia</b>	<b>Phân công công việc của các thành viên</b>
1	Ông: Trần Nguyễn Thanh Tâm (PP. Kế hoạch – Đầu tư)	Tổ trưởng	Đánh giá E-HSDT
2	Ông: Phạm Lê Nhân Hoàng (Tổ trưởng tổ dự án P.Kỹ thuật)	Thành viên	Đánh giá E-HSDT (Đánh giá phần kỹ thuật các gói thầu mua sắm hàng hoá/dịch vụ hoặc thi công do P. Kỹ thuật quản lý, phụ trách)
3	Ông: Trần Minh Nghĩa (PP. Công nghệ thông tin – Viễn thông)	Thành viên	Đánh giá E-HSDT (Đánh giá phần kỹ thuật các gói thầu mua sắm hàng hoá/dịch vụ hoặc thi công do P. CNTT-VT quản lý, phụ trách)
4	Ông: Trần Tấn Lộc (PP. Chiến lược – Nghiên cứu – Phát triển)	Thành viên	Đánh giá E-HSDT (Đánh giá phần kỹ thuật của toàn bộ các gói thầu mua sắm hàng hoá)
5	Bà: Vũ Thị Hồng Hải (Chuyên viên Bộ phận Mua sắm – P. Kế hoạch - Đầu tư)	Thành viên	Đánh giá E-HSDT (Đánh giá tính hợp lệ, năng lực kinh nghiệm và tài chính của gói thầu)

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

- Thời gian và cách thức làm việc của đơn vị đánh giá E-HSDT: Làm việc trong giờ hành chính, cách thức làm việc theo nhóm trong quá trình đánh giá.
- Cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác: Thành viên Tổ chuyên gia làm việc dưới sự điều hành của Tổ trưởng sau đó cùng thảo luận, tập hợp các ý kiến và Tổ trưởng là người đưa ra quyết định cuối cùng. Thành viên tổ chuyên gia được quyền bảo lưu ý kiến của mình.

## **II. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ E-HSDT**

### **1. Biên bản mở thầu**

- Thông tin chung

<b>Mã TBMT</b>	IB2500457565
<b>Tên gói thầu</b>	Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1
<b>Tên chủ đầu tư</b>	CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST

<b>Số lượng nhà thầu</b>	4
<b>Thời điểm hoàn thành mở thầu</b>	30/10/2025 14:20
<b>Lĩnh vực</b>	Hàng hóa

- Thông tin gói thầu

<b>Mã KHLCNT</b>	PL2500229587
<b>Tên kế hoạch LCNT</b>	Dự án điều chỉnh “Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”
<b>Loại hợp đồng</b>	Trọn gói
<b>Thời gian thực hiện gói thầu</b>	60 ngày
<b>Hình thức lựa chọn nhà thầu</b>	Chào hàng cạnh tranh
<b>Phương thức lựa chọn nhà thầu</b>	Một giai đoạn một túi hồ sơ
<b>Thời điểm đóng mở thầu</b>	30/10/2025 14:00
<b>Giá gói thầu</b>	543.547.746 VND

- Thông tin nhà thầu

STT	Mã định danh	Tên nhà thầu	Giá dự thầu (VND)	Tỷ lệ giảm giá (%)	Giá dự thầu sau giảm giá (VND)	Hiệu lực E HSDT (ngày)	Bảo đảm dự thầu (VND)	Hiệu lực của BĐ DT (ngày)	Thời gian thực hiện gói thầu
1	vn010535 6525	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK	475.316.640	0	475.316.640	120	8.100.000 (Cam kết trong đơn dự thầu)	150	Xem chi tiết tại mẫu tiến độ
2	vn010755 1867	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN	503.701.200	0	503.701.200	120	8.100.000 (Cam kết trong đơn dự thầu)	150	Xem chi tiết tại mẫu tiến độ
3	vn010134 8530	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ	543.722.000	0	543.722.000	120	8.100.000 (Cam kết trong đơn dự thầu)	150	Xem chi tiết tại mẫu tiến độ

STT	Mã định danh	Tên nhà thầu	Giá dự thầu (VND)	Tỷ lệ giảm giá (%)	Giá dự thầu sau giảm giá (VND)	Hiệu lực E HSDT (ngày)	Bảo đảm dự thầu (VND)	Hiệu lực của BĐ DT (ngày)	Thời gian thực hiện gói thầu
		ĐÔNG DƯƠNG							
4	vn031547 9474	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT	608.327.280	0	608.327.280	120	8.100.000 (Cam kết trong đơn dự thầu)	150	Xem chi tiết tại mẫu tiến độ

## 2. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

- a) Kết quả đánh giá về tính hợp lệ của E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 02** dưới đây:

**Bảng số 02**

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK	Đạt
2	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN	Đạt
3	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐÔNG DƯƠNG	Đạt
4	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT	Đạt

- b) Thuyết minh về các trường hợp E-HSDT không hợp lệ: Không có.
- c) Các nội dung bổ sung, làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh tư cách hợp lệ của nhà thầu (nếu có): Không có.

## 3. Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm

- a) Kết quả đánh giá về năng lực, kinh nghiệm được tổng hợp theo **Bảng số 03** dưới đây:

**Bảng số 03**

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK	Đạt

Stt	Tên nhà thầu	Kết luận (Đạt, không đạt)
2	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN	Đạt
3	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐÔNG DƯƠNG	Đạt
4	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT	Đạt

- b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm nêu trong E-HSMT: Không có.
- c) Các nội dung làm rõ E-HSDT nhằm chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu (nếu có): Không có.

#### 4. Kết quả đánh giá về kỹ thuật

- a) Kết quả đánh giá về kỹ thuật được tổng hợp theo **Bảng số 04** dưới đây: (tổng hợp từ Mẫu số 03A hoặc Mẫu số 03B):

**Bảng số 04**

Stt	Tên nhà thầu	Kết quả đánh giá
1	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK	Không đạt
2	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN	Không đạt
3	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐÔNG DƯƠNG	Đạt
4	CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT	Đạt

- b) Thuyết minh các trường hợp nhà thầu không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật nêu trong E-HSMT (kể cả khi đã làm rõ E-HSDT (nếu có)) :

- **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK:** Nhà thầu không đạt ở bước đánh giá về kỹ thuật, cụ thể:

Hàng hóa của nhà thầu không có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

- Ngày 27/12/2025 Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist gửi văn bản số 517/eCV-SCTV trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT do thông tin trong tài liệu kỹ thuật nhà thầu nộp không

thống nhất với tài liệu kỹ thuật được công khai trên trang web của Hãng. Ngày 29/12/2025, nhà thầu có văn bản phúc đáp số 2912/C-LINK trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc làm rõ E-HSMT theo đó hãng xác nhận rằng việc hiệu chỉnh, bổ sung các tính năng theo yêu cầu làm rõ thì không đáp ứng tiến độ thực hiện của gói thầu, do đó Hãng không xác nhận tính năng kỹ thuật cho nhà thầu nên hồ sơ kỹ thuật của nhà thầu không đạt yêu cầu của E-HSMT.

- **CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN:** Nhà thầu không đạt ở bước đánh giá về kỹ thuật, cụ thể:

Hàng hóa của nhà thầu không có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

- Ngày 15/01/2026 Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist gửi văn bản số 10/eCV-SCTV trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSMT do thông tin trong tài liệu kỹ thuật nhà thầu nộp không thống nhất với tài liệu kỹ thuật được công khai trên trang web của Hãng. Ngày 17/01/2026, nhà thầu có văn bản phúc đáp số 1601/CV-DA trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc làm rõ E-HSMT theo đó hãng xác nhận rằng việc hiệu chỉnh, bổ sung các tính năng theo yêu cầu làm rõ thì không đáp ứng tiến độ thực hiện của gói thầu, do đó Hãng không xác nhận tính năng kỹ thuật cho nhà thầu nên hồ sơ kỹ thuật của nhà thầu không đạt yêu cầu của E-HSMT.

c) Các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá: Không có.

## 5. Kết quả đánh giá về tài chính

Kết quả đánh giá về tài chính được tổng hợp theo **Bảng số 05** dưới đây:

Stt	Nội dung	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Công nghệ Bắc Việt
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) (VND)	543.722.000	608.327.280
2	Giá trị giảm giá (nếu có)	-	-
3	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) (VND)	543.722.000	608.327.280
	<b>Phương pháp giá thấp nhất</b>		

Stt	Nội dung	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Công nghệ Bắc Việt
4	$\Delta_{USD}$ (nếu có)	-	-
5	Giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có)	543.722.000	608.327.280

Phần này nêu các nội dung lưu ý trong quá trình đánh giá về tài chính (nếu có): Không có.

## 6. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo **Bảng số 06** với các nội dung cơ bản như sau:

**Bảng số 06**

Stt	Nội dung	Nhà thầu			
		Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng viễn thông C-LINK	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Duy An	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Công nghệ Bắc Việt
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt
	<b>Phương pháp giá thấp nhất</b>				
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) (VND)	-	-	543.722.000	608.327.280
5	Xếp hạng các E-HSDT	-	-	I	II

## 7. Thời gian đánh giá E-HSDT

Tổ chuyên gia đấu thầu tiến hành đánh giá E-HSDT trong thời gian từ ngày 30 tháng 10 năm 2025 đến khi lập xong Báo cáo đánh giá E-HSDT.

## 8. Các nội dung lưu ý, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống trong quá trình đánh giá:

Các nhà thầu có giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) vượt giá gói thầu được duyệt là 543.547.746 VND. Vì vậy, tình huống nêu trên thuộc trường hợp xử lý tình huống theo Khoản 8, Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

“ ...

8. Trường hợp giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và thuộc danh sách xếp hạng đều vượt giá gói thầu đã duyệt thì chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống theo một hoặc kết hợp lần lượt các cách sau đây:

a) Cho phép các nhà thầu này được chào lại giá dự thầu nếu giá gói thầu đã bao gồm đầy đủ các yếu tố cấu thành chi phí thực hiện gói thầu;

b) Cho phép đồng thời với việc các nhà thầu chào lại giá dự thầu, xem xét lại giá gói thầu, nội dung hồ sơ mời thầu đã duyệt, nếu cần thiết.

Trường hợp cho phép các nhà thầu được chào lại giá dự thầu thì cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ chào lại giá dự thầu nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị chào lại giá dự thầu và quy định rõ việc mở các hồ sơ chào lại giá dự thầu theo quy trình mở thầu quy định tại Điều 28 của Nghị định này hoặc chào lại giá dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với đấu thầu qua mạng.

Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị điều chỉnh nhưng bảo đảm việc điều chỉnh được thực hiện trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào lại giá dự thầu;

c) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt thì chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh trước thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến;

d) Cho phép mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất vào đàm phán về giá nhưng phải bảo đảm giá sau đàm phán không được vượt giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất. Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt thì chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị điều chỉnh. Trường hợp đàm phán không thành công thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán. Cách thức này chỉ áp dụng đối với trường hợp gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế của dự án, dự toán mua sắm, gói thầu.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì xử lý theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này hoặc cho phép mời nhà thầu vào đàm phán về giá nhưng bảo đảm giá sau đàm phán không vượt giá gói thầu.”

### **III. TRÌNH DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT, tổ chuyên gia trình chủ đầu tư các nội dung sau đây:

1. Kiến nghị chủ đầu tư xem xét và quyết định xử lý tình huống theo nội dung được tổ chuyên gia trình tại Mục II.8 của báo cáo này.
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu: Đảm bảo.
3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý: Không có.

#### IV. Ý KIẾN BẢO LƯU: Không có.

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

#### Người đánh giá


**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Thành viên**


**Thành viên**

**Thành viên**

 Click to verify  
Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:26:58

 Click to verify  
Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:02:51

 Click to verify  
Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:13:26

 Click to verify  
Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:01:38

 Click to verify  
Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:27:23

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK**

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>	-		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu	x		x		
2.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:	-		-		
2.1.1	Hạch toán tài chính độc lập <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
2.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
3	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống <sup>(6)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt".

(6) Hệ thống tự động đánh giá.

(9) E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Người đánh giá Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>
------------------	-------------------	--------------------------------------	-------------------	-------------------

[Click to verify](#)  
Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:16:36

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 10:59:19

[Click to verify](#)  
Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:33

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 09:53:52

[Click to verify](#)  
Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:25:31

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN**

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>	-		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu	x		x		
2.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:	-		-		
2.1.1	Hạch toán tài chính độc lập <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
2.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
3	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống <sup>(6)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt"

(6) Hệ thống tự động đánh giá.

(9) E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

### Người đánh giá

**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

[Click to verify](#)

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:17:39

[Click to verify](#)

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:01:01

[Click to verify](#)

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:36

[Click to verify](#)

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:00:00

[Click to verify](#)

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:25:33

**ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT**

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐÔNG DƯƠNG.**

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>	-		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu	x		x		
2.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:	-		-		
2.1.1	Hạch toán tài chính độc lập <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
2.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
3	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống <sup>(6)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt"

(6) Hệ thống tự động đánh giá.

(9) E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Người đánh giá Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>
------------------	-------------------	--------------------------------------	-------------------	-------------------

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:18:52

 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:01:02

 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:38

 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:00:26

 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:25:35

## ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LỆ CỦA E-HSDT

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT.**

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
1	Bảo đảm dự thầu <sup>(1)</sup>	-		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2	Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Luật đấu thầu	x		x		
2.1	Nhà thầu là tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:	-		-		
2.1.1	Hạch toán tài chính độc lập <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.2	Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.3	Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.

Stt	Nội dung đánh giá trong E-HSMT	Kết quả đánh giá tự động từ Hệ thống (Căn cứ cam kết trong E-HSDT)		Kết quả đánh giá của chuyên gia <sup>(9)</sup>		Nhận xét của chuyên gia
		Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	
2.1.4	Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
2.1.5	Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
3	Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống <sup>(6)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
4	Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu <sup>(3)</sup>	x		x		Nhà thầu cam kết trong đơn dự thầu.
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Đạt</b>		<b>Đạt</b>		

Ghi chú:

(1) Tổ chuyên gia đánh giá, trừ trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng. Đối với gói thầu đấu thầu trước và E-HSMT quy định không áp dụng bảo đảm dự thầu, không đánh giá nội dung bảo đảm dự thầu.

(3) Hệ thống tự động đánh giá trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong E-HSDT.

Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện Hệ thống đánh giá nhà thầu "đạt" là chưa chính xác thì tổ chuyên gia có quyền đánh giá lại để làm kết quả đánh giá ở nội dung này và nêu rõ ý kiến tại phiếu chấm của tổ chuyên gia. Trường hợp Hệ thống đánh giá "không đạt" thì nhà thầu bị loại. Đối với các nội dung Hệ thống tự động đánh giá "không đạt", tổ chuyên gia không thể sửa đổi kết quả đánh giá từ "không đạt" thành "đạt"

(6) Hệ thống tự động đánh giá.

(9) E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

### Người đánh giá

**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

[Click to verify](#)  
Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:19:26

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:01:04

[Click to verify](#)  
Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:41

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 30/01/2026 10:23:41

[Click to verify](#)  
Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:25:37

**ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK**

E-HSMT không yêu cầu và Nhà thầu cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu trong đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Người đánh giá Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>
------------------	-------------------	--------------------------------------	-------------------	-------------------

[Click to verify](#)  
Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:20:00

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:01:05

[Click to verify](#)  
Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:43

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:02:06

[Click to verify](#)  
Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:25:39

## ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN.**

E-HSMT không yêu cầu và Nhà thầu cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu trong đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Người đánh giá Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>
------------------	-------------------	--------------------------------------	-------------------	-------------------

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:20:50

 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:01:07

 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:45

 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:02:33

 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:25:40

## ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐÔNG DƯƠNG.**

E-HSMT không yêu cầu và Nhà thầu cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu trong đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Người đánh giá Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>
------------------	-------------------	--------------------------------------	-------------------	-------------------

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:21:31



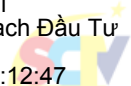
 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:01:08



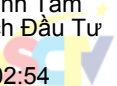
 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:47



 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:02:54



 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:27:10



## ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT.**

E-HSMT không yêu cầu và Nhà thầu cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu trong đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSDT.

<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Người đánh giá Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>
------------------	-------------------	--------------------------------------	-------------------	-------------------

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:22:14

 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:01:10

 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:12:48

 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:05:17

 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:27:12

**ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT**

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ MẠNG VIỄN THÔNG C-LINK.**

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
1	<b>Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>					x	E-HSDT của nhà thầu không có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, kể cả sau khi làm rõ E-HSDT. <i>(Xem chi tiết theo Bảng đánh giá đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa bên dưới.)</i>
	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
		Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Không đạt</b>				
2	<b>Tiêu chuẩn hàng hóa</b>			x			Nhà thầu kê khai trên webform năm sản xuất hàng hoá là năm 2025, đáp ứng yêu cầu của E-HSDT.
	Năm sản xuất hàng hoá: năm 2024 trở về sau.	Hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau. Nhà thầu cung cấp cam kết/kê khai trên webform hoặc tài liệu chứng	<b>Đạt</b>				

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
		minh.					
		Nhà thầu không đảm bảo hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.	<b>Không đạt</b>				
3	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>			x			Nhà thầu có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
		Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hoá nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật.	<b>Không đạt</b>				
4	<b>Bảo hành</b>			x			Nhà thầu đề xuất thời gian bảo hành 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Thời gian bảo hành tối thiểu 1 năm đối với toàn bộ hàng	Thời gian bảo hành: $\geq 1$ năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	<b>Đạt</b>				

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
	hóa thuốc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	Thời gian bảo hành: < 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuốc phạm vi cung cấp của hợp đồng	<b>Không đạt</b>				
5	<b>Các yếu tố về điều kiện thương mại, hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu</b>			x			Nhà thầu có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.
	Điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	Có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Đạt</b>				
		Điều kiện thương mại không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; và/hoặc không có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Không đạt</b>				
<b>KẾT LUẬN</b>				<b>Không đạt</b>			

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "Chấp nhận được" chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung "Chấp nhận được".

E-HSMT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSMT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường

hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Người đánh giá  
Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

**BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA**

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
<b>1. Mô-đun SFP+ 10GE, 850nm, 300m hỗ trợ giám sát đo đặc thông số điện tử (SFP+ 10GE, 850nm, 300m support DDM)</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: SFP-10G-SRD / DYS / China	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Characteristics</b>	<b>Value/Performance</b>		
Speed/Data Rate	9.95 ÷ 10.3 Gb/s		
Type of Plug	Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)		
Connector	Duplex LC		
Wavelength	850 nm		
Max Distance	300 m		
Compatible	Compatible with existing system CISCO or JUNIPER or SCTV		
Other	DDM RoHS Hot-swappable		
<b>2. Bộ chuyển mạch 32 cổng 100G QSFP28 (Switch 32 port 100G QSFP28)</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: CS6580-32CQ-HI / DCN / China	Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <b>Làm rõ E-HSDT:</b> Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist có văn bản số 517/eCV-SCTV ngày 27/12/2025 trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Ngày 29/12/2025, nhà thầu có văn bản phúc đáp số 2912/C-LINK trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc làm rõ E-HSDT theo đó hãng xác nhận rằng việc hiệu chỉnh, bổ sung các tính năng theo yêu cầu làm rõ thì không đáp ứng tiến độ thực hiện của gói thầu, do đó Hãng không xác
<b>Feature</b>	<b>Description</b>		
Specifications			
Interface	≥ 32 x 100GE QSFP28		
Operating temperature	0°C to 40°C		
Storage temperature	-40°C to +70°C		
Number of fans	≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable		
Power supply	≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable		
Switching Capacity	≥ 6.4 Tbps		
Forwarding performance	≥ 2 Bpps		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
CPU	≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz		nhận tính năng kỹ thuật cho nhà thầu nên Hồ sơ kỹ thuật của nhà thầu không đạt yêu cầu của E-HSMT.
Memory	RAM ≥ 16GB		
Layer 2 functions	≥ 288K MAC address		
	STP (IEEE 802.1d)		
	Automatic learning and aging of MAC addresses		
	RSTP (IEEE 802.1w)		
	MSTP (IEEE 802.1s)		
Layer 3 functions	Static routes		
	RIP v1/2 and RIPng		
	OSPF and OSPFv3		
	IS-IS and IS-ISv6		
	BGP		
	IGMPv1/v2/v3 snooping		
	IGMPv1/v2/v3, PIM-SM, and PIM-SSM		
	MSDP		
IP routing	Static routes, RIP, OSPF, IS-IS, BGP, routing policy IPV4 RIB/FIB ≥ 2M/350K IPV6 RIB/FIB ≥ 500K/172K		
MPLS	RSVP-based signaling of LSPs LDP-based signaling of LSPs LDP tunneling (LDP over RSVP) MPLS class of service (CoS) MPLS LSR support IPv6 tunneling (6PE) (via IPv4 MPLS backbone) IPv4 L3 VPN (RFC 2547, RFC 4364)		
QoS/ACL	Rate limiting in the inbound and outbound directions of a port		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	Packet redirection L2 and L3 QoS: Classification, rewrite, queuing Packet filtering traffic Queue-based rate limiting and shaping on ports		
Security features	Blackhole MAC address entries Limit on the number of learned MAC addresses AAA, RADIUS and TACACS authentication. SSH V2.0		
Reliability	BFD for BGP/IS-IS/OSPF		
	LACP		
	LLDP		
Stacking	Yes		
Network virtualization	VXLAN function		
	VXLAN Layer 2 gateway and Layer 3 gateway		
	BGP EVPN		
	Configured through the NETCONF/Yang protocol		
Management and maintenance	SNMPv1/v2c/v3		
	RMON		
	Telemetry		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có tính năng lưu log phiên làm việc, các cấu hình thay đổi bởi user		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	Thiết bị có tính năng đo kiểm SLA, bao gồm delay, jitter và tỷ lệ packet loss		
	Thiết bị có tính năng scripting cho phép khi một sự kiện cần theo dõi xảy ra, thiết bị kích hoạt các hành động được định nghĩa trước		
<b>3. Bộ thu quang trong nhà không có WDM (Mini optical receiver không có WDM)</b>			
<b>Optical Parameters</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: SB-OR16 / WSEE / China	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
Receiver Type	Photodiode with brand name from G7/EU or Korea countries		
Amplifier Type	MMIC with brand name from G7/EU or Korea countries		
Input Wavelength (nm)	1260 ~ 1600		
Operating Wavelength (nm)	1550 ± 20		
Input optical Power (dBm)	-10 ~ -2, or larger range		
Optical return loss (dB)	≥ 45		
Fiber connector	SC/APC		
<b>RF Parameters</b>			
Bandwidth (MHz)	82-862, or larger range		
Output level (dBmV)	≥ 20 dBmV per channel, with optical input: -7 ~ -2 dBm (Wavelength 1550 nm)		
Output level adjust (dB)	0 ~ -15		
Flatness (dB)	≤ ± 0.75		
Return loss (dB)	≥ 14		
Impedance	75 Ω		
RF output connector	At least 1 output port, F female type		
<b>Link performance</b>			

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
77 NTSC / 59 PAL analog channels	<p>CNR <math>\geq</math> 50 dB (0 dBm optical input)  or CNR <math>\geq</math> 49 dB (-1 dBm optical input)  or CNR <math>\geq</math> 48 dB (-2 dBm optical input)</p> <p>CSO <math>\geq</math> 60 dB, CTB <math>\geq</math> 60 dB</p>		
<b>Others</b>			
BAR code label	<p>- Includes informations as required by investors including:  + Name of investor: SCTV  + Name of manufacturer  + Model: _____ (non WDM)  + <b>BAR code</b>: Serial Number  + And information below</p> <p style="text-align: center;"><b><i>Thiết bị này là tài sản của SCTV</i></b>  <b><i>Vui lòng quản lý và hoàn trả khi không sử dụng</i></b></p> <p>- Using high-quality coated paper to print.  - Make sure to always leave enough space for the border's BAR code  - Design BAR Codes to match the background colors. Not in a manner that the BAR Code gets lost in the background  - The BAR Code isn't too blurry. Use scalable BAR Code formats without losing print quality</p>		
Power supply requirements	<p>- Using the external AC/DC adapter, switching mode power supply, with AC input: 100-240 VAC, 50/60Hz, or larger  - Follow the latest SCTV technical standards of external power supplies for end devices or meet at least the following requirements:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Electrolytic capacitor for output with withstand voltage must be at least 1.5 times of output voltage</li> <li>• DC output power: be at least 1.5 times of actual power consumption of respective end device</li> </ul>		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	<ul style="list-style-type: none"> <li>Output ripple: <math>\leq \pm 1.5\%</math></li> <li>International standard of efficiency, level V</li> </ul>		
Operational Temp. (°C)	0 ~ 40, or larger		
<b>4. Dây nhảy Multimode LC/UPC - LC/UPC 5m (dây đôi), OM4</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: PC-LCLCOM4DX3.0-5M-LSZH / C-FIBER / Việt Nam	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Feature</b>	<b>Description</b>		
Fiber tube type	3mm (or 2mm) PVC tube, Multimode OM4		
Fiber length	5 m		
Connector	2 LC/UPC and 2 LC/UPC (Ferrule material: Bronze)		
Insertion Loss	$\leq 0.3$ dB		
Return Loss	$\geq 20$ dB		
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Không đạt</b>	

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
 Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 04/02/2026 02:23:01



 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
 Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 05/02/2026 11:01:11



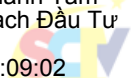
 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Nhân Viên  
 Ngày ký: 29/01/2026 10:12:50



 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Ký ủy quyền  
 Ngày ký: 30/01/2026 10:09:02



 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
 Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
 Cấp ký: Tổ Trưởng  
 Ngày ký: 03/02/2026 09:27:14



## ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ DUY AN.**

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
1	<b>Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>					x	E-HSĐT của nhà thầu không có đặc tính, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ phù hợp, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, kể cả sau khi làm rõ E-HSĐT. <i>(Xem chi tiết theo Bảng đánh giá đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa bên dưới.)</i>
	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
2	<b>Tiêu chuẩn hàng hóa</b>			x			Nhà thầu kê khai trên webform năm sản xuất hàng hoá là năm 2025, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Năm sản xuất hàng hoá: năm 2024 trở về sau.	Hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau. Nhà thầu cung cấp cam kết/kê khai trên webform hoặc tài liệu chứng minh.	<b>Đạt</b>				

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
		Nhà thầu không đảm bảo hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.	<b>Không đạt</b>				
3	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>			x			Nhà thầu có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
4	<b>Bảo hành</b>			x			Nhà thầu đề xuất thời gian bảo hành 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Thời gian bảo hành tối thiểu 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	Thời gian bảo hành: $\geq 1$ năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	<b>Đạt</b>				
5	<b>Các yếu tố về điều kiện thương mại, hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu</b>			x			Nhà thầu có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu

Stt	Nội dung đánh giá				Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
					Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
	Điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	Có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Đạt</b>				câu.	
		Điều kiện thương mại không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; và/hoặc không có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Không đạt</b>					
<b>KẾT LUẬN</b>					<b>Không đạt</b>			

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "Chấp nhận được" chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung "Chấp nhận được".

E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

		<b>Người đánh giá</b>		
<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>

## BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Nội dung yêu cầu	E-HSDT	Đánh giá E-HSDT																								
<p><b>1. Mô-đun SFP+ 10GE, 850nm, 300m hỗ trợ giám sát đo đạc thông số điện tử (SFP+ 10GE, 850nm, 300m support DDM)</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 30%;">Characteristics</th> <th style="width: 70%;">Value/Performance</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Speed/Data Rate</td> <td>9.95 ÷ 10.3 Gb/s</td> </tr> <tr> <td>Type of Plug</td> <td>Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)</td> </tr> <tr> <td>Connector</td> <td>Duplex LC</td> </tr> <tr> <td>Wavelength</td> <td>850 nm</td> </tr> <tr> <td>Max Distance</td> <td>300 m</td> </tr> <tr> <td>Compatible</td> <td>Compatible with existing system CISCO or JUNIPER of SCTV</td> </tr> <tr> <td>Other</td> <td>DDM RoHS Hot-swappable</td> </tr> </tbody> </table>	Characteristics	Value/Performance	Speed/Data Rate	9.95 ÷ 10.3 Gb/s	Type of Plug	Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)	Connector	Duplex LC	Wavelength	850 nm	Max Distance	300 m	Compatible	Compatible with existing system CISCO or JUNIPER of SCTV	Other	DDM RoHS Hot-swappable	<p><b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: SFP-10G SRD / DYS / China</p>	<p>Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật</p>								
Characteristics	Value/Performance																									
Speed/Data Rate	9.95 ÷ 10.3 Gb/s																									
Type of Plug	Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)																									
Connector	Duplex LC																									
Wavelength	850 nm																									
Max Distance	300 m																									
Compatible	Compatible with existing system CISCO or JUNIPER of SCTV																									
Other	DDM RoHS Hot-swappable																									
<p><b>2. Bộ chuyển mạch 32 cổng 100G QSFP28 (Switch 32 port 100G QSFP28)</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 20%;">Feature</th> <th style="width: 80%;">Description</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Specifications</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Interface</td> <td>≥ 32 x 100GE QSFP28</td> </tr> <tr> <td>Operating temperature</td> <td>0°C to 40°C</td> </tr> <tr> <td>Storage temperature</td> <td>-40°C to +70°C</td> </tr> <tr> <td>Number of fans</td> <td>≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable</td> </tr> <tr> <td>Power supply</td> <td>≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable</td> </tr> <tr> <td>Switching Capacity</td> <td>≥ 6.4 Tbps</td> </tr> <tr> <td>Forwarding performance</td> <td>≥ 2 Bpps</td> </tr> <tr> <td>CPU</td> <td>≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz</td> </tr> <tr> <td>Memory</td> <td>RAM ≥ 16GB</td> </tr> <tr> <td>Layer 2 functions</td> <td>≥ 288K MAC address</td> </tr> </tbody> </table>	Feature	Description	Specifications		Interface	≥ 32 x 100GE QSFP28	Operating temperature	0°C to 40°C	Storage temperature	-40°C to +70°C	Number of fans	≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable	Power supply	≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable	Switching Capacity	≥ 6.4 Tbps	Forwarding performance	≥ 2 Bpps	CPU	≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz	Memory	RAM ≥ 16GB	Layer 2 functions	≥ 288K MAC address	<p><b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: CS6580-32CQ-HI / DCN / China</p>	<p>Không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật <b>Làm rõ E-HSDT:</b> Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist có văn bản số 10/eCV-SCTV ngày 15/01/2026 trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT. Ngày 16/01/2026, nhà thầu có văn bản phúc đáp số 1601/CV-DA trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia về việc làm rõ E-HSDT theo đó hãng xác nhận rằng việc hiệu chỉnh, bổ sung các tính năng theo yêu cầu làm rõ thì không đáp ứng tiến độ thực hiện của gói thầu, do đó Hãng không xác nhận tính năng kỹ thuật cho nhà thầu nên Hồ sơ kỹ thuật của nhà thầu không đạt yêu cầu của E-HSMT.</p>
Feature	Description																									
Specifications																										
Interface	≥ 32 x 100GE QSFP28																									
Operating temperature	0°C to 40°C																									
Storage temperature	-40°C to +70°C																									
Number of fans	≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable																									
Power supply	≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable																									
Switching Capacity	≥ 6.4 Tbps																									
Forwarding performance	≥ 2 Bpps																									
CPU	≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz																									
Memory	RAM ≥ 16GB																									
Layer 2 functions	≥ 288K MAC address																									

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	STP (IEEE 802.1d)		
	Automatic learning and aging of MAC addresses		
	RSTP (IEEE 802.1w)		
	MSTP (IEEE 802.1s)		
Layer 3 functions	Static routes		
	RIP v1/2 and RIPng		
	OSPF and OSPFv3		
	IS-IS and IS-ISv6		
	BGP		
	IGMPv1/v2/v3 snooping		
	IGMPv1/v2/v3, PIM-SM, and PIM-SSM		
	MSDP		
IP routing	Static routes, RIP, OSPF, IS-IS, BGP, routing policy IPV4 RIB/FIB $\geq$ 2M/350K IPV6 RIB/FIB $\geq$ 500K/172K		
MPLS	RSVP-based signaling of LSPs LDP-based signaling of LSPs LDP tunneling (LDP over RSVP) MPLS class of service (CoS) MPLS LSR support IPv6 tunneling (6PE) (via IPv4 MPLS backbone) IPv4 L3 VPN (RFC 2547, RFC 4364)		
QoS/ACL	Rate limiting in the inbound and outbound directions of a port		
	Packet redirection L2 and L3 QoS: Classification, rewrite, queuing Packet filtering traffic Queue-based rate limiting and shaping on ports		
Security features	Blackhole MAC address entries Limit on the number of learned MAC addresses AAA, RADIUS and TACACS authentication. SSH V2.0		
Reliability	BFD for BGP/IS-IS/OSPF		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	LACP		
	LLDP		
Stacking	Yes		
Network virtualization	VXLAN function		
	VXLAN Layer 2 gateway and Layer 3 gateway		
	BGP EVPN		
	Configured through the NETCONF/Yang protocol		
Management and maintenance	SNMPv1/v2c/v3		
	RMON		
	Telemetry		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có tính năng lưu log phiên làm việc, các cấu hình thay đổi bởi user		
	Thiết bị có tính năng đo kiểm SLA, bao gồm delay, jitter và tỷ lệ packet loss		
Thiết bị có tính năng scripting cho phép khi một sự kiện cần theo dõi xảy ra, thiết bị kích hoạt các hành động được định nghĩa trước			
<b>3. Bộ thu quang trong nhà không có WDM (Mini optical receiver không có WDM)</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: SB-OR16 / WSEE / China	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Optical Parameters</b>			
Receiver Type	Photodiode with brand name from G7/EU or Korea countries		
Amplifier Type	MMIC with brand name from G7/EU or Korea countries		
Input Wavelength (nm)	1260 ~ 1600		
Operating Wavelength (nm)	1550 ± 20		
Input optical Power (dBm)	-10 ~ -2, or larger range		
Optical return loss (dB)	≥ 45		
Fiber connector	SC/APC		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
<b>RF Parameters</b>			
Bandwidth (MHz)	82-862, or larger range		
Output level (dBmV)	≥ 20 dBmV per channel, with optical input: -7 ~ -2 dBm (Wavelength 1550 nm)		
Output level adjust (dB)	0 ~ -15		
Flatness (dB)	≤ ± 0.75		
Return loss (dB)	≥ 14		
Impedance	75 Ω		
RF output connector	At least 1 output port, F female type		
<b>Link performance</b>			
77 NTSC / 59 PAL analog channels	CNR ≥ 50 dB (0 dBm optical input) or CNR ≥ 49 dB (-1 dBm optical input) or CNR ≥ 48 dB (-2 dBm optical input)		
	CSO ≥ 60 dB, CTB ≥ 60 dB		
<b>Others</b>			
BAR code label	- Includes informations as required by investors including: + Name of investor: SCTV + Name of manufacturer + Model: _____ (non WDM) + <b>BAR code</b> : Serial Number + And information below  <b><i>Thiết bị này là tài sản của SCTV</i></b> <b><i>Vui lòng quản lý và hoàn trả khi không sử dụng</i></b>		
	- Using high-quality coated paper to print. - Make sure to always leave enough space for the border's BAR code - Design BAR Codes to match the background colors. Not in a manner that the BAR Code gets lost in the background - The BAR Code isn't too blurry. Use scalable BAR Code formats without losing print quality		
Power supply requirements	- Using the external AC/DC adapter, switching mode power supply, with AC input: 100-240 VAC, 50/60Hz, or larger		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	<p>- Follow the latest SCTV technical standards of external power supplies for end devices or meet at least the following requirements:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Electrolytic capacitor for output with withstand voltage must be at least 1.5 times of output voltage</li> <li>• DC output power: be at least 1.5 times of actual power consumption of respective end device</li> <li>• Output ripple: <math>\leq \pm 1.5\%</math></li> <li>• International standard of efficiency, level V</li> </ul>		
Operational Temp. (°C)	1 ~ 40, or larger		
<b>4. Dây nhảy Multimode LC/UPC - LC/UPC 5m (dây đôi), OM4</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: PC- LCLCOM4DX3.0-5M- LSZH /C-FIBER / Việt Nam	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Feature</b>	<b>Description</b>		
Fiber tube type	3mm (or 2mm) PVC tube, Multimode OM4		
Fiber length	5 m		
Connector	2 LC/UPC and 2 LC/UPC (Ferrule material: Bronze)		
Insertion Loss	$\leq 0.3$ dB		
Return Loss	$\geq 20$ dB		
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Không đạt</b>	

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
 Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 04/02/2026 02:23:35



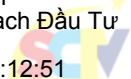
 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
 Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 05/02/2026 11:01:13



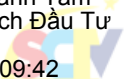
 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Nhân Viên  
 Ngày ký: 29/01/2026 10:12:51



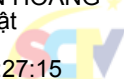
 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Ký ủy quyền  
 Ngày ký: 30/01/2026 10:09:42



 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
 Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
 Cấp ký: Tổ Trưởng  
 Ngày ký: 03/02/2026 09:27:15



## ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐÔNG DƯƠNG.**

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
1	<b>Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>			x			E-HSMT của Nhà thầu có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. <i>(Xem chi tiết Bảng đánh giá đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa bên dưới.)</i>
	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
2	<b>Tiêu chuẩn hàng hóa</b>			x			Nhà thầu kê khai trên webform năm sản xuất hàng hoá là năm 2025, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Năm sản xuất hàng hoá: năm 2024 trở về sau.	Hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau. Nhà thầu cung cấp cam kết/kê khai trên webform hoặc tài liệu chứng minh.	<b>Đạt</b>				

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
		Nhà thầu không đảm bảo hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.	<b>Không đạt</b>				
3	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>			x			Nhà thầu có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
4	<b>Bảo hành</b>			x			Nhà thầu đề xuất thời gian bảo hành 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Thời gian bảo hành tối thiểu 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	Thời gian bảo hành: $\geq 1$ năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	<b>Đạt</b>				
5	<b>Các yếu tố về điều kiện thương mại, hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu</b>			x			Nhà thầu có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.
		Thời gian bảo hành: $< 1$ năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	<b>Không đạt</b>				

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
	Điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	Có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Đạt</b>				
	Điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	Điều kiện thương mại không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; và/hoặc không có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Không đạt</b>				
<b>KẾT LUẬN</b>				<b>Đạt</b>			

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "Chấp nhận được" chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung "Chấp nhận được".

E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

**Người đánh giá**

**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

## BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Nội dung yêu cầu	E-HSDT	Đánh giá E-HSDT																								
<p><b>1. Mô-đun SFP+ 10GE, 850nm, 300m hỗ trợ giám sát đo đạc thông số điện tử (SFP+ 10GE, 850nm, 300m support DDM)</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 30%;">Characteristics</th> <th>Value/Performance</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Speed/Data Rate</td> <td>9.95 ÷ 10.3 Gb/s</td> </tr> <tr> <td>Type of Plug</td> <td>Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)</td> </tr> <tr> <td>Connector</td> <td>Duplex LC</td> </tr> <tr> <td>Wavelength</td> <td>850 nm</td> </tr> <tr> <td>Max Distance</td> <td>300 m</td> </tr> <tr> <td>Compatible</td> <td>Compatible with existing system CISCO or JUNIPER or SCTV</td> </tr> <tr> <td>Other</td> <td>DDM RoHS Hot-swappable</td> </tr> </tbody> </table>	Characteristics	Value/Performance	Speed/Data Rate	9.95 ÷ 10.3 Gb/s	Type of Plug	Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)	Connector	Duplex LC	Wavelength	850 nm	Max Distance	300 m	Compatible	Compatible with existing system CISCO or JUNIPER or SCTV	Other	DDM RoHS Hot-swappable	<p><b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: SPP-85192-SRC / SSP PTE / China</p>	<p>Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật</p>								
Characteristics	Value/Performance																									
Speed/Data Rate	9.95 ÷ 10.3 Gb/s																									
Type of Plug	Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)																									
Connector	Duplex LC																									
Wavelength	850 nm																									
Max Distance	300 m																									
Compatible	Compatible with existing system CISCO or JUNIPER or SCTV																									
Other	DDM RoHS Hot-swappable																									
<p><b>2. Bộ chuyển mạch 32 cổng 100G QSFP28 (Switch 32 port 100G QSFP28)</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 20%;">Feature</th> <th>Description</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Specifications</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Interface</td> <td>≥ 32 x 100GE QSFP28</td> </tr> <tr> <td>Operating temperature</td> <td>0°C to 40°C</td> </tr> <tr> <td>Storage temperature</td> <td>-40°C to +70°C</td> </tr> <tr> <td>Number of fans</td> <td>≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable</td> </tr> <tr> <td>Power supply</td> <td>≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable</td> </tr> <tr> <td>Switching Capacity</td> <td>≥ 6.4 Tbps</td> </tr> <tr> <td>Forwarding performance</td> <td>≥ 2 Bpps</td> </tr> <tr> <td>CPU</td> <td>≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz</td> </tr> <tr> <td>Memory</td> <td>RAM ≥ 16GB</td> </tr> <tr> <td>Layer 2 functions</td> <td>≥ 288K MAC address</td> </tr> </tbody> </table>	Feature	Description	Specifications		Interface	≥ 32 x 100GE QSFP28	Operating temperature	0°C to 40°C	Storage temperature	-40°C to +70°C	Number of fans	≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable	Power supply	≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable	Switching Capacity	≥ 6.4 Tbps	Forwarding performance	≥ 2 Bpps	CPU	≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz	Memory	RAM ≥ 16GB	Layer 2 functions	≥ 288K MAC address	<p><b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: QFX5120-32C-AFO / Juniper / Việt Nam</p>	<p>Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật</p>
Feature	Description																									
Specifications																										
Interface	≥ 32 x 100GE QSFP28																									
Operating temperature	0°C to 40°C																									
Storage temperature	-40°C to +70°C																									
Number of fans	≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable																									
Power supply	≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable																									
Switching Capacity	≥ 6.4 Tbps																									
Forwarding performance	≥ 2 Bpps																									
CPU	≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz																									
Memory	RAM ≥ 16GB																									
Layer 2 functions	≥ 288K MAC address																									

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	STP (IEEE 802.1d) Automatic learning and aging of MAC addresses RSTP (IEEE 802.1w) MSTP (IEEE 802.1s)		
Layer 3 functions	Static routes RIP v1/2 and RIPng OSPF and OSPFv3 IS-IS and IS-ISv6 BGP IGMPv1/v2/v3 snooping IGMPv1/v2/v3, PIM-SM, and PIM-SSM MSDP		
IP routing	Static routes, RIP, OSPF, IS-IS, BGP, routing policy IPV4 RIB/FIB $\geq$ 2M/350K IPV6 RIB/FIB $\geq$ 500K/172K		
MPLS	RSVP-based signaling of LSPs LDP-based signaling of LSPs LDP tunneling (LDP over RSVP) MPLS class of service (CoS) MPLS LSR support IPv6 tunneling (6PE) (via IPv4 MPLS backbone) IPv4 L3 VPN (RFC 2547, RFC 4364)		
QoS/ACL	Rate limiting in the inbound and outbound directions of a port Packet redirection L2 and L3 QoS: Classification, rewrite, queuing Packet filtering traffic Queue-based rate limiting and shaping on ports		
Security features	Blackhole MAC address entries Limit on the number of learned MAC addresses AAA, RADIUS and TACACS authentication. SSH V2.0		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
Reliability	BFD for BGP/IS-IS/OSPF		
	LACP		
	LLDP		
Stacking	Yes		
Network virtualization	VXLAN function		
	VXLAN Layer 2 gateway and Layer 3 gateway		
	BGP EVPN		
	Configured through the NETCONF/Yang protocol		
Management and maintenance	SNMPv1/v2c/v3		
	RMON		
	Telemetry		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có tính năng lưu log phiên làm việc, các cấu hình thay đổi bởi user		
	Thiết bị có tính năng đo kiểm SLA, bao gồm delay, jitter và tỷ lệ packet loss		
Thiết bị có tính năng scripting cho phép khi một sự kiện cần theo dõi xảy ra, thiết bị kích hoạt các hành động được định nghĩa trước			
<b>3. Bộ thu quang trong nhà không có WDM (Mini optical receiver không có WDM)</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: SP150D-1-1-80-S-CN / SSP PTE / China	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Optical Parameters</b>			
Receiver Type	Photodiode with brand name from G7/EU or Korea countries		
Amplifier Type	MMIC with brand name from G7/EU or Korea countries		
Input Wavelength (nm)	1260 ~ 1600		
Operating Wavelength (nm)	1550 ± 20		
Input optical Power (dBm)	-10 ~ -2, or larger range		
Optical return loss (dB)	≥ 45		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
Fiber connector	SC/APC		
<b>RF Parameters</b>			
Bandwidth (MHz)	82-862, or larger range		
Output level (dBmV)	$\geq 20$ dBmV per channel, with optical input: -7 ~ -2 dBm (Wavelength 1550 nm)		
Output level adjust (dB)	0 ~ -15		
Flatness (dB)	$\leq \pm 0.75$		
Return loss (dB)	$\geq 14$		
Impedance	75 $\Omega$		
RF output connector	At least 1 output port, F female type		
<b>Link performance</b>			
77 NTSC / 59 PAL analog channels	CNR $\geq 50$ dB (0 dBm optical input) or CNR $\geq 49$ dB (-1 dBm optical input) or CNR $\geq 48$ dB (-2 dBm optical input)		
	CSO $\geq 60$ dB, CTB $\geq 60$ dB		
<b>Others</b>			
BAR code label	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Includes informations as required by investors including:</li> <li>+ Name of investor: SCTV</li> <li>+ Name of manufacturer</li> <li>+ Model: _____ (non WDM)</li> <li>+ <b>BAR code:</b> Serial Number</li> <li>+ And information below</li> </ul> <p style="text-align: center;"><b><i>Thiết bị này là tài sản của SCTV</i></b></p> <p style="text-align: center;"><b><i>Vui lòng quản lý và hoàn trả khi không sử dụng</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Using high-quality coated paper to print.</li> <li>- Make sure to always leave enough space for the border's BAR code</li> <li>- Design BAR Codes to match the background colors. Not in a manner that the BAR Code gets lost in the background</li> <li>- The BAR Code isn't too blurry. Use scalable BAR Code formats without losing print quality</li> </ul>		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
Power supply requirements	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Using the external AC/DC adapter, switching mode power supply, with AC input: 100-240 VAC, 50/60Hz, or larger</li> <li>- Follow the latest SCTV technical standards of external power supplies for end devices or meet at least the following requirements: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Electrolytic capacitor for output with withstand voltage must be at least 1.5 times of output voltage</li> <li>• DC output power: be at least 1.5 times of actual power consumption of respective end device</li> <li>• Output ripple: <math>\leq \pm 1.5\%</math></li> <li>• International standard of efficiency, level V</li> </ul> </li> </ul>		
Operational Temp. (°C)	2 ~ 40, or larger		
<b>4. Dây nhảy Multimode LC/UPC - LC/UPC 5m (dây đôi), OM4</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: PA-052-OM4-LU-LU / SSP PTE / China	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Feature</b>	<b>Description</b>		
Fiber tube type	3mm (or 2mm) PVC tube, Multimode OM4		
Fiber length	5 m		
Connector	2 LC/UPC and 2 LC/UPC (Ferrule material: Bronze)		
Insertion Loss	$\leq 0.3$ dB		
Return Loss	$\geq 20$ dB		
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Đạt</b>	

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
 Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 04/02/2026 02:24:43

 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
 Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 05/02/2026 11:01:14

 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Nhân Viên  
 Ngày ký: 29/01/2026 10:13:19

 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Ký ủy quyền  
 Ngày ký: 30/01/2026 10:10:32

 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
 Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
 Cấp ký: Tổ Trưởng  
 Ngày ký: 03/02/2026 09:27:17

## ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

(Sử dụng tiêu chí đánh giá “đạt”, “không đạt”)

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT.**

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
1	<b>Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa</b>			x			E-HSMT của Nhà thầu có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.  <i>(Xem chi tiết Bảng đánh giá đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa bên dưới.)</i>
	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ, bao gồm các yếu tố như công suất, hiệu suất của máy móc, thiết bị; mức tiêu hao điện năng, nguyên nhiên vật liệu.	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
2	<b>Tiêu chuẩn hàng hóa</b>			x			Nhà thầu kê khai trên webform năm sản xuất hàng hoá là năm 2025, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Năm sản xuất hàng hoá: năm 2024 trở về sau.	Hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau. Nhà thầu cung cấp cam kết/kê khai trên webform hoặc tài liệu chứng minh.	<b>Đạt</b>				

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
		Nhà thầu không đảm bảo hàng hoá được sản xuất từ năm 2024 trở về sau.	<b>Không đạt</b>				
3	<b>Tiến độ cung cấp hàng hóa</b>			x			Nhà thầu có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	<b>Đạt</b>				
4	<b>Bảo hành</b>			x			Nhà thầu đề xuất thời gian bảo hành 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.
	Thời gian bảo hành tối thiểu 1 năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	Thời gian bảo hành: $\geq 1$ năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	<b>Đạt</b>				
5	<b>Các yếu tố về điều kiện thương mại, hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu</b>			x			Nhà thầu có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.
		Thời gian bảo hành: $< 1$ năm đối với toàn bộ hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của hợp đồng.	<b>Không đạt</b>				

Stt	Nội dung đánh giá			Kết quả đánh giá của chuyên gia			Nhận xét của chuyên gia
				Đạt	Chấp nhận được	Không đạt	
	Điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	Có điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Đạt</b>				
	Điều kiện thương mại hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	Điều kiện thương mại không hợp lý, khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ cung cấp; và/hoặc không có cam kết hướng dẫn sử dụng khi chủ đầu tư yêu cầu.	<b>Không đạt</b>				
<b>KẾT LUẬN</b>				<b>Đạt</b>			

Ghi chú:

(1) Theo quy định trong E-HSMT.

(2) Đối với từng nội dung đánh giá, nếu được đánh giá là "đạt" hoặc "chấp nhận được" hoặc "không đạt" thì đánh dấu "X" vào ô tương ứng và nêu rõ lý do tại cột Nhận xét của chuyên gia. Tiêu chí "Chấp nhận được" chỉ áp dụng trong trường hợp tiêu chuẩn đánh giá thuộc E-HSMT có quy định về nội dung "Chấp nhận được".

E-HSDT có nội dung sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản dẫn đến E-HSDT bị loại thì không phải tiếp tục đánh giá các tiêu chí khác. Trường hợp nhà thầu không đáp ứng một tiêu chí đánh giá cụ thể thì không phải đánh giá tiếp đối với các tiêu chí còn lại.

(3) E-HSDT được kết luận là ĐẠT hoặc KHÔNG ĐẠT theo quy định trong E-HSMT.

**Người đánh giá**

**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

## BẢNG ĐÁNH GIÁ ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA HÀNG HÓA

Nội dung yêu cầu	E-HSDT	Đánh giá E-HSDT																								
<p><b>1. Mô-đun SFP+ 10GE, 850nm, 300m hỗ trợ giám sát đo đạc thông số điện tử (SFP+ 10GE, 850nm, 300m support DDM)</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 30%; text-align: center;">Characteristics</th> <th style="text-align: center;">Value/Performance</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Speed/Data Rate</td> <td>9.95 ÷ 10.3 Gb/s</td> </tr> <tr> <td>Type of Plug</td> <td>Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)</td> </tr> <tr> <td>Connector</td> <td>Duplex LC</td> </tr> <tr> <td>Wavelength</td> <td>850 nm</td> </tr> <tr> <td>Max Distance</td> <td>300 m</td> </tr> <tr> <td>Compatible</td> <td>Compatible with existing system CISCO or JUNIPER of SCTV</td> </tr> <tr> <td>Other</td> <td>DDM RoHS Hot-swappable</td> </tr> </tbody> </table>	Characteristics	Value/Performance	Speed/Data Rate	9.95 ÷ 10.3 Gb/s	Type of Plug	Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)	Connector	Duplex LC	Wavelength	850 nm	Max Distance	300 m	Compatible	Compatible with existing system CISCO or JUNIPER of SCTV	Other	DDM RoHS Hot-swappable	<p><b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: YT-SFP+-SR / Wintop / Trung Quốc</p>	<p>Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật</p>								
Characteristics	Value/Performance																									
Speed/Data Rate	9.95 ÷ 10.3 Gb/s																									
Type of Plug	Enhanced small form-factor pluggable (SFP+)																									
Connector	Duplex LC																									
Wavelength	850 nm																									
Max Distance	300 m																									
Compatible	Compatible with existing system CISCO or JUNIPER of SCTV																									
Other	DDM RoHS Hot-swappable																									
<p><b>2. Bộ chuyển mạch 32 cổng 100G QSFP28 (Switch 32 port 100G QSFP28)</b></p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 20%; text-align: center;">Feature</th> <th style="text-align: center;">Description</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Specifications</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Interface</td> <td>≥ 32 x 100GE QSFP28</td> </tr> <tr> <td>Operating temperature</td> <td>0°C to 40°C</td> </tr> <tr> <td>Storage temperature</td> <td>-40°C to +70°C</td> </tr> <tr> <td>Number of fans</td> <td>≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable</td> </tr> <tr> <td>Power supply</td> <td>≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable</td> </tr> <tr> <td>Switching Capacity</td> <td>≥ 6.4 Tbps</td> </tr> <tr> <td>Forwarding performance</td> <td>≥ 2 Bpps</td> </tr> <tr> <td>CPU</td> <td>≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz</td> </tr> <tr> <td>Memory</td> <td>RAM ≥ 16GB</td> </tr> <tr> <td>Layer 2 functions</td> <td>≥ 288K MAC address</td> </tr> </tbody> </table>	Feature	Description	Specifications		Interface	≥ 32 x 100GE QSFP28	Operating temperature	0°C to 40°C	Storage temperature	-40°C to +70°C	Number of fans	≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable	Power supply	≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable	Switching Capacity	≥ 6.4 Tbps	Forwarding performance	≥ 2 Bpps	CPU	≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz	Memory	RAM ≥ 16GB	Layer 2 functions	≥ 288K MAC address	<p><b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: QFX5120-32C-AFO / Juniper/ Đài Loan/ Trung Quốc</p>	<p>Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật</p>
Feature	Description																									
Specifications																										
Interface	≥ 32 x 100GE QSFP28																									
Operating temperature	0°C to 40°C																									
Storage temperature	-40°C to +70°C																									
Number of fans	≥ 1 Fans Module, Fan modules are pluggable																									
Power supply	≥ 2 Power Supply Module, Power Modules are pluggable																									
Switching Capacity	≥ 6.4 Tbps																									
Forwarding performance	≥ 2 Bpps																									
CPU	≥ 4 Cores/Quad-core Intel CPU, 2 GHz																									
Memory	RAM ≥ 16GB																									
Layer 2 functions	≥ 288K MAC address																									

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	STP (IEEE 802.1d) Automatic learning and aging of MAC addresses RSTP (IEEE 802.1w) MSTP (IEEE 802.1s)		
Layer 3 functions	Static routes RIP v1/2 and RIPng OSPF and OSPFv3 IS-IS and IS-ISv6 BGP IGMPv1/v2/v3 snooping IGMPv1/v2/v3, PIM-SM, and PIM-SSM MSDP		
IP routing	Static routes, RIP, OSPF, IS-IS, BGP, routing policy IPV4 RIB/FIB $\geq$ 2M/350K IPV6 RIB/FIB $\geq$ 500K/172K		
MPLS	RSVP-based signaling of LSPs LDP-based signaling of LSPs LDP tunneling (LDP over RSVP) MPLS class of service (CoS) MPLS LSR support IPv6 tunneling (6PE) (via IPv4 MPLS backbone) IPv4 L3 VPN (RFC 2547, RFC 4364)		
QoS/ACL	Rate limiting in the inbound and outbound directions of a port Packet redirection L2 and L3 QoS: Classification, rewrite, queuing Packet filtering traffic Queue-based rate limiting and shaping on ports		
Security features	Blackhole MAC address entries Limit on the number of learned MAC addresses AAA, RADIUS and TACACS authentication. SSH V2.0		
Reliability	BFD for BGP/IS-IS/OSPF		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	LACP		
	LLDP		
Stacking	Yes		
Network virtualization	VXLAN function		
	VXLAN Layer 2 gateway and Layer 3 gateway		
	BGP EVPN		
	Configured through the NETCONF/Yang protocol		
Management and maintenance	SNMPv1/v2c/v3		
	RMON		
	Telemetry		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có cơ chế check, commit, confirm các thay đổi cấu hình trước khi áp dụng và rollback cấu hình trong trường hợp có sự cố		
	Thiết bị có tính năng lưu log phiên làm việc, các cấu hình thay đổi bởi user		
	Thiết bị có tính năng đo kiểm SLA, bao gồm delay, jitter và tỷ lệ packet loss		
Thiết bị có tính năng scripting cho phép khi một sự kiện cần theo dõi xảy ra, thiết bị kích hoạt các hành động được định nghĩa trước			
<b>3. Bộ thu quang trong nhà không có WDM (Mini optical receiver không có WDM)</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: FTTH-OR16 / WSEE / Trung Quốc	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Optical Parameters</b>			
Receiver Type	Photodiode with brand name from G7/EU or Korea countries		
Amplifier Type	MMIC with brand name from G7/EU or Korea countries		
Input Wavelength (nm)	1260 ~ 1600		
Operating Wavelength (nm)	1550 ± 20		
Input optical Power (dBm)	-10 ~ -2, or larger range		
Optical return loss (dB)	≥ 45		
Fiber connector	SC/APC		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
<b>RF Parameters</b>			
Bandwidth (MHz)	82-862, or larger range		
Output level (dBmV)	≥ 20 dBmV per channel, with optical input: -7 ~ -2 dBm (Wavelength 1550 nm)		
Output level adjust (dB)	0 ~ -15		
Flatness (dB)	≤ ± 0.75		
Return loss (dB)	≥ 14		
Impedance	75 Ω		
RF output connector	At least 1 output port, F female type		
<b>Link performance</b>			
77 NTSC / 59 PAL analog channels	CNR ≥ 50 dB (0 dBm optical input) or CNR ≥ 49 dB (-1 dBm optical input) or CNR ≥ 48 dB (-2 dBm optical input)		
	CSO ≥ 60 dB, CTB ≥ 60 dB		
<b>Others</b>			
BAR code label	- Includes informations as required by investors including: + Name of investor: SCTV + Name of manufacturer + Model: _____ (non WDM) + <b>BAR code</b> : Serial Number + And information below <b><i>Thiết bị này là tài sản của SCTV</i></b> <b><i>Vui lòng quản lý và hoàn trả khi không sử dụng</i></b>		
	- Using high-quality coated paper to print. - Make sure to always leave enough space for the border's BAR code - Design BAR Codes to match the background colors. Not in a manner that the BAR Code gets lost in the background - The BAR Code isn't too blurry. Use scalable BAR Code formats without losing print quality		
Power supply requirements	- Using the external AC/DC adapter, switching mode power supply, with AC input: 100-240 VAC, 50/60Hz, or larger		

Nội dung yêu cầu		E-HSDT	Đánh giá E-HSDT
	- Follow the latest SCTV technical standards of external power supplies for end devices or meet at least the following requirements: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Electrolytic capacitor for output with withstand voltage must be at least 1.5 times of output voltage</li> <li>• DC output power: be at least 1.5 times of actual power consumption of respective end device</li> <li>• Output ripple: <math>\leq \pm 1.5\%</math></li> <li>• International standard of efficiency, level V</li> </ul>		
Operational Temp. (°C)	3 ~ 40, or larger		
<b>4. Dây nhảy Multimode LC/UPC - LC/UPC 5m (dây đôi), OM4</b>		<b>Nhà thầu đề xuất:</b> Ký mã hiệu / Hãng sản xuất / Xuất xứ: LC/PC-LC/PC,OM4, 20M, 2.0MM, MM, DX / Sntek / Việt Nam	Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật
<b>Feature</b>	<b>Description</b>		
Fiber tube type	3mm (or 2mm) PVC tube, Multimode OM4		
Fiber length	5 m		
Connector	2 LC/UPC and 2 LC/UPC (Ferrule material: Bronze)		
Insertion Loss	$\leq 0.3$ dB		
Return Loss	$\geq 20$ dB		
<b>KẾT LUẬN</b>		<b>Đạt</b>	

 Click to verify

Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
 Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 04/02/2026 02:25:15

 Click to verify

Họ tên: Trần Tấn Lộc  
 Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
 Cấp ký: Phó Phòng  
 Ngày ký: 05/02/2026 11:01:16

 Click to verify

Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Nhân Viên  
 Ngày ký: 29/01/2026 10:13:22

 Click to verify

Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
 Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
 Cấp ký: Ký ủy quyền  
 Ngày ký: 30/01/2026 10:14:03

 Click to verify

Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
 Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
 Cấp ký: Tổ Trưởng  
 Ngày ký: 03/02/2026 09:27:18

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

(Phương pháp giá thấp nhất)

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ ĐÔNG DƯƠNG**

STT	Nội dung	Giá trị (VND)
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) <sup>(1)</sup> (VND)	543.722.000
2	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa <sup>(2)</sup>	-
3	Giá trị giảm giá (nếu có)	-
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) (VND)	543.722.000
5	$\Delta UĐ$ <sup>(3)</sup>	-
6	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) và sau khi tính ưu đãi (nếu có) <sup>(4)</sup> (VND)	543.722.000

Ghi chú:

- (1) Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.
- (2) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng hợp đồng trọn gói (nếu có)
- (3)  $\Delta UĐ$ : Giá trị ưu đãi theo quy định tại E-HSMT (nếu có).
- (4) Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSMT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

<b>Tổ trưởng</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Người đánh giá Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>	<b>Thành viên</b>
------------------	-------------------	--------------------------------------	-------------------	-------------------

[Click to verify](#)  
Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:25:48

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:02:48

[Click to verify](#)  
Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:13:23

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:14:39

[Click to verify](#)  
Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:27:20

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ TÀI CHÍNH**

(Phương pháp giá thấp nhất)

**Gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.**

**Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.**

**Nhà thầu: CÔNG TY TNHH KINH DOANH THƯƠNG MẠI CÔNG NGHỆ BẮC VIỆT**

STT	Nội dung	Giá trị (VND)
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu không tính giá trị giảm giá, nếu có) <sup>(1)</sup> (VND)	608.327.280
2	Giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa <sup>(2)</sup>	-
3	Giá trị giảm giá (nếu có)	-
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) (VND)	608.327.280
5	$\Delta_{UĐ}$ <sup>(3)</sup>	-
6	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá (nếu có) và sau khi tính ưu đãi (nếu có) <sup>(4)</sup> (VND)	608.327.280

Ghi chú:

- (1) Đối với chào giá trực tuyến theo quy trình thông thường, giá dự thầu tại Mục 1 và giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa trừ giá trị giảm giá tại Mục 4 là giá chào cuối cùng (bao gồm cả thuế, phí, lệ phí, nếu có) không bao gồm chi phí dự phòng sau thời điểm kết thúc chào giá trực tuyến.
- (2) Chỉ áp dụng đối với gói thầu xây lắp, EPC, EC, PC áp dụng hợp đồng trọn gói (nếu có)
- (3)  $\Delta_{UĐ}$ : Giá trị ưu đãi theo quy định tại E-HSMT (nếu có).
- (4) Đối với gói thầu hàng hóa, hỗn hợp yêu cầu nhà thầu chào không tách thuế, việc so sánh, xếp hạng E-HSĐT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có). Đối với gói thầu yêu cầu nhà thầu chào tách thuế thì không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần Chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm Chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT.

**Người đánh giá**

**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

[Click to verify](#)  
Họ tên: TRẦN MINH NGHĨA  
Bộ phận: Phòng CNTT-VT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 04/02/2026 02:26:29

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Tấn Lộc  
Bộ phận: Phòng CL-NC-PT  
Cấp ký: Phó Phòng  
Ngày ký: 05/02/2026 11:02:49

[Click to verify](#)  
Họ tên: Vũ Thị Hồng Hải  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Nhân Viên  
Ngày ký: 29/01/2026 10:13:25

[Click to verify](#)  
Họ tên: Trần Nguyễn Thanh Tâm  
Bộ phận: Phòng Kế Hoạch Đầu Tư  
Cấp ký: Ký ủy quyền  
Ngày ký: 30/01/2026 10:15:04

[Click to verify](#)  
Họ tên: PHẠM LÊ NHÂN HOÀNG  
Bộ phận: Phòng Kỹ Thuật  
Cấp ký: Tổ Trưởng  
Ngày ký: 03/02/2026 09:27:21

# **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ**

## **HỒ SƠ CHÀO LẠI GIÁ**

Số: 2025-58/BCĐG-CLG

<b><u>Tên gói thầu:</u></b>	<b>“Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”</b>
<b><u>Dự án điều chỉnh:</u></b>	<b>Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1</b>
<b><u>Chủ đầu tư:</u></b>	<b>Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist.</b>

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO LẠI GIÁ

Tên gói thầu “**Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1**”

Thuộc dự án điều chỉnh **Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1**

Kính gửi: Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist

### I. THÔNG TIN CƠ BẢN

#### 1. Giới thiệu chung về dự án điều chỉnh, gói thầu

- Chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH TRUYỀN HÌNH CẤP SAIGONTOURIST.
- Tên Dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.
- Tên gói thầu: Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1.
- Số KHLCNT: PL2500229587 thời điểm đăng tải ngày 27/09/2025 09:27.
- Số E-TBMT: IB2500457565 thời điểm đăng tải ngày 21/10/2025 09:28.
- Giá gói thầu: **543.547.746 VND** (*Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm bốn mươi bảy ngàn, bảy trăm bốn mươi sáu đồng chẵn./.*).
- Nguồn vốn: Nguồn vốn tự có và vốn vay ngân hàng.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 38 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2025.
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh, qua mạng.
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn – Một túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.
- Tùy chọn mua thêm (nếu có): Không có.
- Các văn bản pháp lý liên quan:

+ Căn cứ Quyết định số 229/QĐ-SCTV ngày 13 tháng 08 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cấp Saigontourist về việc phê duyệt điều chỉnh dự án: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1;

+ Căn cứ Quyết định số 904/eQĐ-SCTV ngày 20 tháng 09 năm 2025 của Tổng

Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án điều chỉnh: Đầu tư hệ thống mạng GPON năm 2025 – Giai đoạn 1;

+ Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-SCTV ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc phê duyệt dự toán kinh phí đầu tư gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;

+ Căn cứ Quyết định số 960/QĐ-SCTV ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc giao nhiệm vụ triển khai thực hiện gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;

+ Căn cứ Quyết định số 1004/QĐ-SCTV ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”;

+ Căn cứ Thông báo số 35/eTB-SCTV ngày 10/02/2026 của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist về việc chào lại giá dự thầu gói thầu: “Mua vật tư bổ sung cho dự án GPON năm 2025 – Giai đoạn 1”.

## 2. Tổ chuyên gia

a) Cơ sở pháp lý thành lập tổ chuyên gia:

Tổ chuyên gia được Công ty TNHH Truyền Hình Cáp Saigontourist thành lập theo Quyết định số 123/QĐ-SCTV ngày 28/02/2026 để thực hiện đánh giá E-HSMT cho các gói thầu dưới 1 tỷ theo hình thức chào hàng cạnh tranh, qua mạng. Thành phần tổ chuyên gia:

Số lượng, họ tên, chức vụ, vị trí và phân công công việc cụ thể của các thành viên trong tổ chuyên gia được nêu tại **Bảng số 01**.

**Bảng số 01**

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên
1	Ông: Trần Đức Nhã (PP. Kế hoạch – Đầu tư)	Tổ trưởng	Đánh giá E-HSMT
2	Ông: Phạm Lê Nhân Hoàng (Tổ trưởng tổ dự án P. Kỹ thuật)	Thành viên	Đánh giá E-HSMT (Đánh giá phần kỹ thuật các gói thầu mua sắm hàng hoá/dịch vụ hoặc thi công do P. Kỹ thuật quản lý, phụ trách)

STT	Họ và tên	Chức vụ, vị trí trong tổ chuyên gia	Phân công công việc của các thành viên
3	Ông: Trần Minh Nghĩa (PP. Công nghệ thông tin – Viễn thông)	Thành viên	Đánh giá E-HSDT (Đánh giá phần kỹ thuật các gói thầu mua sắm hàng hoá/dịch vụ hoặc thi công do P. CNTT-VT quản lý, phụ trách)
4	Ông: Trần Tấn Lộc (PP. Chiến lược – Nghiên cứu – Phát triển)	Thành viên	Đánh giá E-HSDT (Đánh giá phần kỹ thuật của toàn bộ các gói thầu mua sắm hàng hoá)
5	Bà: Vũ Thị Hồng Hải (Chuyên viên Bộ phận Mua sắm – P. Kế hoạch - Đầu tư)	Thành viên	Đánh giá E-HSDT (Đánh giá tính hợp lệ, năng lực kinh nghiệm và tài chính của gói thầu)

c) Cách thức làm việc của tổ chuyên gia:

- Thời gian và cách thức làm việc của đơn vị đánh giá hồ sơ chào lại giá: Làm việc trong giờ hành chính, cách thức làm việc theo nhóm trong quá trình đánh giá.
- Cách xử lý khi một thành viên trong tổ chuyên gia có ý kiến khác biệt so với đa số các thành viên khác: Thành viên Tổ chuyên gia làm việc dưới sự điều hành của Tổ trưởng sau đó cùng thảo luận, tập hợp các ý kiến và Tổ trưởng là người đưa ra quyết định cuối cùng. Thành viên tổ chuyên gia được quyền bảo lưu ý kiến của mình.

## II. Tổng hợp kết quả đánh giá E-HSDT

Trên cơ sở đánh giá E-HSDT của tổ chuyên gia, kết quả đánh giá E-HSDT được tổng hợp theo bảng dưới đây với các nội dung cơ bản như sau:

STT	Nội dung	Nhà thầu			
		Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng viễn thông C-LINK	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Duy An	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Công nghệ Bắc Việt
1	Kết quả đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
2	Kết quả đánh giá về năng lực và kinh nghiệm	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
3	Kết quả đánh giá về kỹ thuật	Không đạt	Không đạt	Đạt	Đạt

STT	Nội dung	Nhà thầu			
		Công ty Cổ phần Công nghệ Mạng viễn thông C-LINK	Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ Duy An	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Công nghệ Bắc Việt
	<b>Phương pháp giá thấp nhất</b>				
4	Giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có), tính ưu đãi (nếu có) (VND)	-	-	543.722.000	608.327.280
5	Xếp hạng các E-HSDT	-	-	I	II

Xem nội dung chi tiết tại Báo cáo đánh giá E-HSDT (lần 2) số 2025-58/BCĐG-L2 ngày 05/02/2026.

### III. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ CHÀO LẠI GIÁ DỰ THẦU

#### 1. Danh sách nhà thầu được xem xét chào lại giá dự thầu:

Nhà thầu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật được đánh giá tài chính, do bị vượt giá gói thầu được duyệt nên Chủ đầu tư thực hiện xử lý tình huống bằng cách cho phép nhà thầu chào lại giá dự thầu:

STT	Tên nhà thầu	Giá gói thầu (VND)	Giá dự thầu (VND)
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	543.547.746	543.722.000
2	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Công nghệ Bắc Việt	543.547.746	608.327.280

**2. Biên bản mở hồ sơ chào lại giá:** Tại thời điểm hết hạn chào lại giá, không có nhà thầu nộp hồ sơ chào lại giá.

#### 3. Kết quả đánh giá hồ sơ chào lại giá

Trên cơ sở Hồ sơ chào lại giá của nhà thầu, kết quả đánh giá về giá được tổng hợp theo **Bảng** dưới đây:

STT	Nội dung	Công ty Cổ phần Công nghệ Đông Dương	Công ty TNHH Kinh doanh Thương mại Công nghệ Bắc Việt
1	Giá dự thầu (giá ghi trong đơn dự thầu trừ giá trị giảm giá (nếu có)) (VND)	543.722.000	608.327.280
2	Giá chào lại giá dự thầu	Nhà thầu không thực hiện chào lại giá	Nhà thầu không thực hiện chào lại giá
3	Giá trị giảm giá (nếu có)	-	-
4	Giá dự thầu sau khi thực hiện chào lại giá trừ giá trị giảm giá (nếu có)	543.722.000	608.327.280

#### 4. Thời gian đánh giá hồ sơ chào lại giá

Tổ chuyên gia đấu thầu tiến hành đánh giá hồ sơ chào lại giá trong thời gian từ ngày 25 tháng 02 năm 2026 đến khi lập xong Báo cáo đánh giá hồ sơ chào lại giá.

#### 5. Các nội dung lưu ý, các vấn đề phát sinh cần xử lý tình huống trong quá trình đánh giá

Các nhà thầu có giá chào lại giá dự thầu sau khi trừ giá trị giảm giá (nếu có) vượt giá gói thầu được duyệt là 543.547.746 VND. Vì vậy, tình huống nêu trên thuộc trường hợp xử lý tình huống theo Khoản 8, Điều 140 Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, cụ thể như sau:

*“8. Trường hợp giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của tất cả các nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật và thuộc danh sách xếp hạng đều vượt giá gói thầu đã duyệt thì chủ đầu tư xem xét, quyết định xử lý tình huống theo một hoặc kết hợp lần lượt các cách sau đây:*

*a) Cho phép các nhà thầu này được chào lại giá dự thầu nếu giá gói thầu đã bao gồm đầy đủ các yếu tố cấu thành chi phí thực hiện gói thầu;*

*b) Cho phép đồng thời với việc các nhà thầu chào lại giá dự thầu, xem xét lại giá gói thầu, nội dung hồ sơ mời thầu đã duyệt, nếu cần thiết.*

*Trường hợp cho phép các nhà thầu được chào lại giá dự thầu thì cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và nộp hồ sơ chào lại giá dự thầu nhưng không quá 10 ngày kể từ ngày chủ đầu tư gửi văn bản đề nghị chào lại giá dự thầu và quy định rõ việc mở các hồ sơ chào lại giá dự thầu theo quy trình mở thầu quy định tại Điều 28 của*

*Nghị định này hoặc chào lại giá dự thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia đối với đấu thầu qua mạng.*

*Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt, chủ đầu tư chịu trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị điều chỉnh nhưng bảo đảm việc điều chỉnh được thực hiện trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào lại giá dự thầu;*

*c) Mời các nhà thầu này tham gia chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn. Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt thì chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh trước thời điểm bắt đầu chào giá trực tuyến;*

*d) Cho phép mời nhà thầu xếp hạng thứ nhất vào đàm phán về giá nhưng phải bảo đảm giá sau đàm phán không được vượt giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất. Trường hợp cần điều chỉnh giá gói thầu trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu đã duyệt thì chủ đầu tư có trách nhiệm phê duyệt điều chỉnh trong thời hạn tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị điều chỉnh. Trường hợp đàm phán không thành công thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán. Cách thức này chỉ áp dụng đối với trường hợp gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi và chủ đầu tư phải chịu trách nhiệm về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế của dự án, dự toán mua sắm, gói thầu.*

*Trường hợp chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì xử lý theo quy định tại điểm a hoặc điểm b khoản này hoặc cho phép mời nhà thầu vào đàm phán về giá nhưng bảo đảm giá sau đàm phán không vượt giá gói thầu.”*

Hoặc huỷ thầu theo điểm a, Khoản 1, Điều 17 Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15 quy định về trường hợp huỷ thầu:

“a) Tất cả hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất không đáp ứng được các yêu cầu của hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu;”

#### **IV. TRÌNH DUYỆT KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VÀ KIẾN NGHỊ**

Trên cơ sở đánh giá hồ sơ chào lại giá, tổ chuyên gia trình chủ đầu tư các nội dung

sau đây:

1. Kiến nghị Chủ đầu tư xem xét và quyết định xử lý tình huống theo nội dung được tổ chuyên gia trình tại Mục III.5 của báo cáo này.
2. Nhận xét về tính cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu: Đảm bảo.
3. Những nội dung của E-HSMT chưa phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu hoặc dẫn đến có cách hiểu không rõ hoặc khác nhau trong quá trình đánh giá E-HSDT hoặc có thể dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; đề xuất biện pháp xử lý: Không có.

**V. Ý KIẾN BẢO LƯU:** Không có.

Báo cáo đánh giá này được lập bởi:

**Người đánh giá**

**Tổ trưởng**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**